

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 28/9/2020  
“V/v tranh chấp  
hôn nhân và gia đình – Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Hiến.
2. Ông Nguyễn Văn Ánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong các ngày 10/9 và 28/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 420/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

(Chị A có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh T do quen biết và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/5/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về chuyện tình cảm. Tôi và anh T đã ly thân hơn 09 tháng nay. Do tình cảm vợ

chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung : Có 01 con chung tên Nguyễn Văn Phước B, sinh ngày 09/9/2012, hiện đang sống với tôi. Tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- *Anh Nguyễn Văn T ý kiến:* Được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản ý kiến.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Giấy chứng minh nhân dân (Bản photo);
2. Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
3. Giấy khai sinh (Bản sao);
4. Đơn xin xác nhận (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim A về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn*”.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp M, xã T, huyện T, Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T quen biết, tìm hiểu rồi tự nguyện đến với nhau, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp là đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa, chị A cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn về chuyện tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau 09 tháng nay. Điều đó, chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật nhưng anh T không có văn bản ý kiến và không đến giải quyết. Điều này thể hiện anh T không có trách nhiệm đối với cuộc hôn nhân của mình, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim A là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ nuôi con: Chị A xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn Phước B, sinh ngày 09/9/2012, hiện đang sống với chị. Chị A yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét yêu cầu của chị A, yêu cầu được tiếp tục nuôi con Nguyễn Văn Phước B, sinh ngày 09/9/2012 là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phước B nên yêu cầu của chị A là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ nợ: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con: Chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Kim A.

Chị Nguyễn Thị Kim A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Văn Phước B, sinh ngày 09/9/2012.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu.

Chị A, anh T có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh T được quyền thăm con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0000578 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đường sự;
- Lưu HSVA (K. Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Văn Ngọc**